

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công thương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương thành phố Hà Nội

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-BCT ngày 26/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Công Thương Hà Nội giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội tại Văn bản số 3020/SCT-VP ngày 13/04/2026 về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ, điện tử giải quyết TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương thành phố Hà Nội, trong đó: 03 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố; 04 thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; 03 thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Sở Công Thương Hà Nội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính sau đây hết hiệu lực:

Thủ tục số thứ tự 8 phần II.A lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, số thứ tự 24 phần XII.A lĩnh vực Dầu khí, số thứ tự 3 phần VI.B lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 962/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

Thủ tục số thứ tự 45, 46 phần V.B, số thứ tự số thứ tự 2,3 phần I.C lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTPVHCC ngày 6/3/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.

Thủ tục số thứ tự 79 phần I lĩnh vực Khoa học, công nghệ tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố.

Thủ tục số thứ tự 1, 2 phần I, số thứ tự 3 phần II lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại phụ lục ban hành kèm theo theo Quyết định số 71/QĐ-TTPVHCC ngày 24/1/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.

**Điều 4.** Sở Công Thương Hà Nội, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố và các Sở, cơ quan tương đương Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
  - Bộ Công Thương;
  - Thường trực: TU, HĐND Thành phố;
  - Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
  - Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
  - TT PVHCC: Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng, đơn vị, CN thuộc TT;
  - Lưu: VT, Sở Công Thương, KSTTHC.
- } (để báo cáo)

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Văn Phúc**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

#### A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (ĐVT: VND)	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (03)</b>							
1.	1.014967	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	<p>- Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 bằng phương tiện thủy nội địa hoặc Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: 3 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 trên đường sắt: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc 05 ngày đối với trường hợp quy định tại</p>	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp.</p>	Không quy định	<p>- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;</p> <p>- Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;</p> <p>- Luật Hóa chất ngày 14 tháng 6 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy;</p> <p>- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận</p>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (ĐVT: VNĐ)	Căn cứ pháp lý
			điểm c Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP.				chuyên hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. -Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt. -Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. - Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 555/QĐ-BCT ngày 26/3/2026 của Bộ Công Thương
2.	1.014968	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyên hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	03 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công		Không quy định	
3.	1.014969	Cấp lại Giấy phép vận chuyên hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9	02 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công		Không quy định	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (04 TTHC)**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (ĐVT: VND)	Căn cứ pháp lý
<b>I. Lĩnh vực Dầu khí (01)</b>							
1.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tiếp.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.</li> <li>- Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.</li> <li>- Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>- Quyết định số 555/QĐ-BCT ngày 26/3/2026 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Công Thương Hà Nội giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban</li> </ul>

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (ĐVT: VND)	Căn cứ pháp lý
							nhân dân thành phố Hà Nội.
<b>II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03)</b>							
2.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tiếp.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; -Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; -Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; -Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công		Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	
4.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công		Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	

<b>STT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (ĐVT: VNĐ)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
							<p>-Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p> <p>- Quyết định số 555/QĐ-BCT ngày 26/3/2026 của Bộ Công Thương.</p> <p>- Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Công Thương Hà Nội giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.</p>

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (03)**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (ĐVT: đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (03)</b>							
1.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công quốc gia. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Nộp hồ sơ trực tiếp.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>-Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</li> <li>-Nghị định 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;</li> <li>-Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>-Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>-Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>-Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>-Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương;</li> <li>-Nghị quyết 66.7 /2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt</li> </ul>
2.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các điểm hỗ trợ dịch vụ công số			
3.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Các điểm hỗ trợ dịch vụ công số			

<b>STT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (ĐVT: đồng)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
							giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Quyết định số 555/QĐ-BCT ngày 26/3/2026 của Bộ Công Thương.